

Số: 0234/2025/NQ-HDQT-TCB

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có);
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank);
- Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Techcombank;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu về việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị Techcombank tại văn bản số 0221/HĐQT-TCB ngày 12/4/2025.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
QUYẾT NGHỊ**

Hội đồng quản trị thông qua việc phê duyệt Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu Techcombank năm 2025 - Lần 1 theo báo cáo, đề xuất của Tổng giám đốc và Khối Tài chính và kế hoạch tại Tờ trình số 24/2025/TTr-TCKH ngày 11/4/2025, cụ thể:

1. Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu Techcombank năm 2025 - Lần 1 (Chi tiết Phương án tại Phụ lục đính kèm).
2. Tổng Giám Đốc và Giám đốc Tài chính Tập đoàn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu Techcombank năm 2025 - Lần 1 và quyết định các chi phí phát sinh liên quan theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Techcombank.

Nơi nhận:

- Các Thành viên HĐQT;
- Tổng giám đốc;
- Khối TCKH và Khối có liên quan;
- Lưu VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Hùng Anh

**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ LẦN 1 NĂM 2025
CỦA NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUẬT VIỆT NAM**

(đính kèm Nghị quyết số 0234/NQ-HĐQT-TCB ngày 16/04/2025

của Hội đồng quản trị Techcombank)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020 (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có) (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/6/2010 (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có) (“**Luật Các TCTD 2010**”);
- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 05 thông qua ngày 18/01/2024 (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có) (“**Luật Các TCTD 2024**”);
- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng Khoán 2019**”), được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 29/11/2024, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (“**Nghị Định 153**”);
- Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định 153 (“**Nghị Định 65**”);
- Nghị định 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (“**Nghị Định 08**”);
- Thông tư 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị Định 153 (“**Thông Tư 76**”);
- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 31/03/2021 quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“**Thông Tư 01**”);
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (“**Thông Tư 41**”);
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (“**Thông Tư 22/2019**”);
- Thông tư số 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (“**Thông Tư 22/2023**”);

- Thông tư số 09/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) ("**Thông Tư 09**");
- Thông tư số 30/2023/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 17/05/2023 hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có) ("**Thông Tư 30**");
- Quy chế đăng ký, lưu ký và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được ban hành tại Quyết định số 27/QĐ-HDTV ngày 10/08/2023 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("**VSDC**") (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có) ("**Quy chế ĐKLK VSDC**");
- Quy chế đăng ký và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("**HNX**") được ban hành tại Quyết định 56/QĐ-SGDVN ngày 10/07/2023 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có) ("**Quy chế ĐKGD**");
- Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam ban hành ngày 04 tháng 02 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm (nếu có);
- Nhu cầu huy động vốn trung dài hạn và kế hoạch kinh doanh của Techcombank năm 2025.

Phương án phát hành trái phiếu này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho việc phát hành các trái phiếu riêng lẻ bằng Đồng Việt Nam, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam ("**Techcombank**" hoặc "**Tổ Chức Phát Hành**"), được chào bán riêng lẻ theo quy định tại Nghị Định 153, Nghị Định 65 và Nghị Định 08 với tổng mệnh giá tối đa là **3,200,000,000,000 VND (Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm tỷ đồng chẵn)** và đáo hạn năm 2028 ("**Trái Phiếu**") theo các nội dung trình bày trong Phương Án Phát Hành này. Phương Án Phát Hành này chỉ quy định các điều kiện chính của Trái Phiếu và nội dung chính của việc phát hành Trái Phiếu. Các điều kiện cụ thể của Trái Phiếu và nội dung khác của việc phát hành Trái Phiếu sẽ được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") và các hợp đồng, thỏa thuận và tài liệu khác được ký kết bởi hoặc nhân danh Tổ Chức Phát Hành nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu.

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên tổ chức phát hành : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
- Loại hình doanh nghiệp : Ngân hàng thương mại cổ phần nghiệp
- Trụ sở chính : Số 6 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-24) 3944 6368.
- Fax : (84-24) 3944 6393.
- Giấy phép hoạt động : Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng Ngân hàng Thương mại số 38/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/03/2018 (cấp đổi lại cho Giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP ngày 06/08/1993) (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993, được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm.
- Website : www.techcombank.com.vn

- **Vốn điều lệ** : 70.648.517.390.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy mươi nghìn sáu trăm bốn mươi tám tỷ, năm trăm mười bảy triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng*)
- **Đại diện theo pháp luật** : Ông Hồ Hùng Anh – Chủ tịch HĐQT
- **Hoạt động kinh doanh chính** :
 - Hoạt động vay, nhận tiền gửi
 - Hoạt động cấp tín dụng
 - Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán
 - Gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá
 - Mở tài khoản
 - Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán
 - Góp vốn, mua cổ phần
 - Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh
 - Hoạt động ngân hàng đầu tư
 - Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý
 - Và các hoạt động kinh doanh khác.
- **Số tài khoản nhận tiền mua Trái Phiếu** : 19078799999021
Mở tại: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

2.1. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong 03 (ba) năm liền kể trước năm phát hành và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu trình bày theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của TCB			Trình bày theo Quy đổi giá trị trái phiếu/khoản vay bằng ngoại tệ sang VND theo TỶ GIÁ BÁN CỦA VCB(*)			Sau phát hành Trái Phiếu (**)
			31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	
1	Vốn chủ sở hữu	triệu VND	113.424.966	131.616.065	147.939.621	113.424.966	131.616.065	147.939.621	148.067.621
1.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	triệu VND	35.172.385	35.225.108	70.648.517	35.172.385	35.225.108	70.648.517	70.648.517
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	triệu VND	476.415	476.356	(59)	476.415	476.356	(59)	(59)
1.3	Cổ phiếu quỹ	triệu VND	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	triệu VND	555.997	555.997	7.764.086	555.997	555.997	7.764.086	7.764.086
1.5	Quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	triệu VND	11.608.569	45.028.627	24.787.305	11.608.569	45.028.627	24.787.305	24.812.905
1.6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	triệu VND	64.482.685	49.013.144	42.219.306	64.482.685	49.013.144	42.219.306	42.321.706
1.7	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	triệu VND	1.128.915	1.316.833	2.520.466	1.128.915	1.316.833	2.520.466	2.520.466

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu trình bày theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của TCB			Trình bày theo Quy đổi giá trị trái phiếu/khoản vay bằng ngoại tệ sang VND theo TỶ GIÁ BÁN CỦA VCB(*)			Sau phát hành Trái Phiếu (**)
			31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	
1.8	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	triệu VND	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Chênh lệch tỷ giá	triệu VND	-	-	-	-	-	-	-
2	Nợ phải trả	triệu VND	585.607.578	717.865.947	830.858.928	585.991.358	718.258.691	831.009.372	834.090.928
2.1	Nợ vay ngân hàng	triệu VND	106.269.231	102.553.324	60.028.254	106.653.011	102.946.068	60.178.698	60.028.254
2.2	Nợ vay từ phát hành trái phiếu	triệu VND	14.756.813	32.207.452	42.642.025	14.756.813	32.207.452	42.642.025	45.842.025
2.2.1	Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	triệu VND	14.756.813	32.207.452	42.642.025	14.756.813	32.207.452	42.642.025	45.842.025
2.2.2	Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	triệu VND	-	-	-	-	-	-	-
2.2.3	Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	triệu VND	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Nợ phải trả khác	triệu VND	464.581.534	583.105.171	728.188.649	464.581.534	583.105.171	728.188.649	728.220.649
2.3.1	Các khoản lãi, phí phải trả	triệu VND	6.144.022	9.418.750	7.281.567	6.144.022	9.418.750	7.281.567	7.281.567
2.3.2	Các khoản phải trả và công nợ khác	triệu VND	458.437.512	573.686.421	720.907.082	458.437.512	573.686.421	720.907.082	720.939.082
3	Cơ cấu vốn								
3.1	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	5,16	5,45	5,62	5,17	5,46	5,62	5,63
3.2	Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản	Lần	0,84	0,85	0,85	0,84	0,85	0,85	0,85
4	Khả năng thanh toán								
4.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn ((tài sản ngắn hạn)/nợ ngắn hạn)	Lần	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
4.2	Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn)	Lần	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu trình bày theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của TCB			Trình bày theo Quy đổi giá trị trái phiếu/khoản vay bằng ngoại tệ sang VND theo TỶ GIÁ BÁN CỦA VCB(*)			Sau phát hành Trái Phiếu (**)
			31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	
4.3	Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	Lần	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
5	Tổng dư nợ trái phiếu/vốn chủ sở hữu								
5.1	Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,13	0,24	0,29	0,13	0,24	0,29	0,31
5.2	Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,13	0,24	0,29	0,13	0,24	0,29	0,31
6	Lợi nhuận								
6.1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu VND	25.567.768	22.888.228	27.538.368	25.567.768	22.888.228	27.538.368	27.698.368
6.2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính	triệu VND	20.436.426	18.190.866	21.760.104	20.436.426	18.190.866	21.760.104	21.888.104
7	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời								
7.1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	3,22%	2,40%	2,39%	3,22%	2,40%	2,39%	2,40%
7.2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	19,58%	14,84%	15,54%	19,58%	14,84%	15,54%	15,63%

Nguồn: Báo cáo tài hợp nhất của Techcombank đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và 2024

(*) Số liệu sau quy đổi các khoản vay, trái phiếu bằng ngoại tệ tại các thời điểm 31/12/2022, 31/12/2023, 31/12/2024 theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại các thời điểm tương ứng.

(**) Số liệu được dự kiến trên giả định sau khi phát hành thành công 3.200 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu.

2.2. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (tổ chức tín dụng) trong 03 (ba) năm liền kể trước năm phát hành và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có)

2.2.1. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động trong năm 2022 và năm 2023 (theo quy định của Luật Các TCTD 2010):

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn theo luật	31/12/2022	31/12/2023	Đánh giá
1	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (Theo Thông Tư 41)				
1.1	Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	≥ 8%	14,33%	12,43%	Tuân thủ

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn theo luật	31/12/2022	31/12/2023	Đánh giá
1.2	Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	$\geq 8\%$	15,18%	14,35%	Tuân thủ
2	Giới hạn tín dụng				
2.1	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với từng công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát/ vốn tự có	$\leq 10\%$	0,20%	0,00%	Tuân thủ
2.2	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với tất cả công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát/ vốn tự có	$\leq 20\%$	0,20%	0,00%	Tuân thủ
2.3	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng trên vốn tự có	$\leq 15\%$	12,91%	11,01%	Tuân thủ
2.4	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 25% vốn tự có của ngân hàng	$\leq 25\%$	20,93%	24,09%	Tuân thủ
3	Tỷ lệ khả năng chi trả				
3.1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	$\geq 10\%$	18,38%	16,58%	Tuân thủ
3.2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam	$\geq 50\%$	77,02%	95,28%	Tuân thủ
3.3	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ	$\geq 10\%$	337,66%	193,12%	Tuân thủ
4	Tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn	Từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022: 37%; Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2023: 34%; Từ ngày 01 tháng 10 năm 2023: 30%	28,75%	26,35%	Tuân thủ
5	Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh so với Tổng Nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước	$\leq 30\%$	6,66%	7,29%	Tuân thủ
6	Giới hạn góp vốn mua cổ phần				
6.1	Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đổ vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực được quy định tại khoản 4 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng	$\leq 11\%$	11,00%	11,00%	Tuân thủ
6.2	Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, bao gồm cả mức vốn cấp, vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại	$\leq 40\%$	3,13%	14,91%	Tuân thủ

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn theo luật	31/12/2022	31/12/2023	Đánh giá
7	Tỷ lệ cho vay so tổng tiền gửi	$\leq 85\%$	76,57%	77,40%	Tuân thủ
8	Trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có				
8.1	Tổng trạng thái ngoại tệ dương so với vốn tự có	$\leq 20\%$	0,02%	0,02%	Tuân thủ
8.2	Tổng trạng thái ngoại tệ âm so với vốn tự có	$\leq 20\%$	1,36%	1,21%	Tuân thủ
9	Trạng thái vãng so với vốn tự có	$\leq 2\%$	0,00%	0,00%	Tuân thủ

Nguồn: Báo cáo chỉ tiêu an toàn hoạt động cho các kỳ báo cáo tại thời điểm 31/12/2022, 31/12/2023 của Tổ Chức Phát Hành.

2.2.2. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động năm 2024 (theo quy định của Luật Các TCTD 2024):

ST T	Chỉ tiêu	Giới hạn theo luật	31/12/2024		Sau phát hành Trái Phiếu (*)		
			Số liệu tại 31/12/2024	Đánh giá	Giá trị sau phát hành Trái Phiếu	Chênh lệch	Đánh giá
1	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (theo Thông Tư 41)						
1.1	Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	$\geq 8\%$	13,43%	Tuân thủ	13,43%	0,00%	Tuân thủ
1.2	Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	$\geq 8\%$	15,27%	Tuân thủ	15,27%	0,00%	Tuân thủ
2	Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng						
2.1	Hạn chế cấp tín dụng						
2.1.1	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng/vốn tự có đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 135 Luật Các TCTD 2024.	$\leq 5\%$	3,30%	Tuân thủ	3,30%	0,00%	Tuân thủ
2.1.2	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với mỗi trong số các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng trên vốn tự có của tổ chức tín dụng (trừ trường hợp cấp tín dụng cho công ty con là tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc)	$\leq 10\%$	0,00%	Tuân thủ	0,00%	0,00%	Tuân thủ
2.1.3	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với tất cả các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng trên vốn tự có của tổ chức tín dụng	$\leq 15\%$	0,00%	Tuân thủ	0,00%	0,00%	Tuân thủ
2.2	Giới hạn cấp tín dụng						

ST T	Chi tiêu	Giới hạn theo luật	31/12/2024		Sau phát hành Trái Phiếu (*)		
			Số liệu tại 31/12/2024	Đánh giá	Giá trị sau phát hành Trái Phiếu	Chênh lệch	Đánh giá
2.2. 1	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng trên vốn tự có đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 136 Luật Các TCTD 2024						
a.	Đối với một khách hàng	Từ ngày 01/07/2024 đến trước ngày 01/01/2026 là: ≤ 14% Từ ngày 01/01/2026 đến trước ngày 01/01/2027 là: ≤ 13% Từ ngày 01/01/2027 đến trước ngày 01/01/2028 là: ≤ 12% Từ ngày 01/01/2028 đến trước ngày 01/01/2029 là: ≤ 11% Từ ngày 01/01/2029 là: ≤ 10%	8,85%	Tuân thủ	8,85%	0,00%	Tuân thủ
b.	Đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó	Từ ngày 01/07/2024 đến trước ngày 01/01/2026 là: ≤ 23% Từ ngày 01/01/2026 đến trước ngày 01/01/2027 là: ≤ 21% Từ ngày 01/01/2027 đến trước ngày 01/01/2028 là: ≤ 19% Từ ngày 01/01/2028 đến trước ngày 01/01/2029 là: ≤ 17% Từ ngày 01/01/2029 là: ≤ 15%	19,97%	Tuân thủ	19,97%	0,00%	Tuân thủ
2.2. 2	Giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp						
a.	Tổng dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm trái phiếu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) trên vốn điều lệ, vốn được cấp của tổ chức tín dụng	≤ 5%	0,24%	Tuân thủ	0,24%	0,00%	Tuân thủ
b.	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ	≤ 5%	0,06%	Tuân thủ	0,06%	0,00%	Tuân thủ

ST T	Chỉ tiêu	Giới hạn theo luật	31/12/2024		Sau phát hành Trái Phiếu (*)		
			Số liệu tại 31/12/2024	Đánh giá	Giá trị sau phát hành Trái Phiếu	Chênh lệch	Đánh giá
	phiếu trên vốn điều lệ, vốn được cấp của tổ chức tín dụng						
3	Tỷ lệ khả năng chi trả						
3.1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	$\geq 10\%$	20,80%	Tuân thủ	21,10%	0,30%	Tuân thủ
3.2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam	$\geq 50\%$	95,87%	Tuân thủ	97,83%	1,96%	Tuân thủ
3.3	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ	$\geq 10\%$	-250,57%	Tuân thủ	-250,57%	0,00%	Tuân thủ
4	Tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn	$\leq 30\%$	26,46%	Tuân thủ	25,90%	-0,56%	Tuân thủ
5	Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh so với tổng nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước	$\leq 30\%$	7,49%	Tuân thủ	7,47%	-0,02%	Tuân thủ
6	Giới hạn góp vốn, mua cổ phần						
6.1	Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đổ vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực được quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Các TCTD 2024/vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp	$\leq 11\%$	11,00%	Tuân thủ	11,00%	0,00%	Tuân thủ
6.2	Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, kể cả các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều 111 của Luật Các TCTD 2024/vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại	$\leq 40\%$	16,17%	Tuân thủ	16,17%	0,00%	Tuân thủ
6.3	Giới hạn mua, nắm giữ phần của tổ chức tín dụng khác						
6.3.1	Số lượng tổ chức tín dụng mà ngân hàng thương mại được mua, nắm giữ cổ phần (trừ	≤ 2	0,00%	Tuân thủ	0,00%	0,00%	Tuân thủ

ST T	Chỉ tiêu	Giới hạn theo luật	31/12/2024		Sau phát hành Trái Phiếu (*)		
			Số liệu tại 31/12/2024	Đánh giá	Giá trị sau phát hành Trái Phiếu	Chênh lệch	Đánh giá
	trường hợp tổ chức tín dụng đó là công ty con của ngân hàng thương mại đó)						
6.3.2	Tỷ lệ mua, nắm giữ cổ phần của một tổ chức tín dụng trên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của tổ chức tín dụng đó	$\leq 5\%$	0,00%	Tuân thủ	0,00%	0,00%	Tuân thủ
7	Tỷ lệ dư nợ cho vay so tổng tiền gửi	$\leq 85\%$	77,08%	Tuân thủ	76,76%	-0,32%	Tuân thủ
8	Trạng thái ngoại tệ tối đa cuối ngày so với vốn tự có của tổ chức tín dụng						
8.1	Tổng trạng thái ngoại tệ dương cuối ngày trên vốn tự có của tổ chức tín dụng	$\leq 20\%$	1,36%	Tuân thủ	1,36%	0,00%	Tuân thủ
8.2	Tổng trạng thái ngoại tệ âm cuối ngày trên vốn tự có của tổ chức tín dụng	$\leq 20\%$	0,00%	Tuân thủ	0,00%	0,00%	Tuân thủ
9	Trạng thái vàng tối đa cuối ngày so với vốn tự có của tổ chức tín dụng	$\leq 2\%$	0,00%	Tuân thủ	0,00%	0,00%	Tuân thủ

Nguồn: Báo cáo chỉ tiêu an toàn hoạt động cho kỳ báo cáo tại thời điểm 31/12/2024 của Tổ Chức Phát Hành.
(*) Số liệu được dự kiến trên giả định sau khi phát hành thành công 3.200 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu.

2.3. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu

Trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn (i) các khoản gốc và lãi của các trái phiếu đã phát hành và đã đáo hạn, (ii) lãi đến hạn của các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán tiền gốc trái phiếu, và (iii) các khoản nợ khác đã đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu.

2.4. Báo cáo về tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ

2.4.1. Tổng khối lượng trái phiếu đã phát hành và tình hình thanh toán gốc, lãi của các trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ:

STT	Mã trái phiếu	Tổng khối lượng trái phiếu đã phát hành	Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành (tỷ VNĐ)	Lãi, gốc trái phiếu đã thanh toán (tỷ VNĐ)	Dư nợ trái phiếu còn lại (tỷ VNĐ)
I	Trái phiếu phát hành riêng lẻ				
1	TCBL2326010	2.000	2.000	104,28	2.000
2	TCBL2427002	1.500	1.500		1.500
3	TCBL2427003	1.500	1.500		1.500
4	TCBL2427004	3.000	3.000		3.000
5	TCBL2427005	5.000	5.000		5.000

STT	Mã trái phiếu	Tổng khối lượng trái phiếu đã phát hành	Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành (tỷ VNĐ)	Lãi, gốc trái phiếu đã thanh toán (tỷ VNĐ)	Dư nợ trái phiếu còn lại (tỷ VNĐ)
6	TCBL2427006	2.000	2.000		2.000
7	TCBL2427007	2.000	2.000		2.000
8	TCBL2427008	2.000	2.000		2.000
9	TCBL2427009	2.000	2.000		2.000
10	TCBL2427010	2.000	2.000		2.000
11	TCBL2427011	2.000	2.000		2.000
12	TCBL2427012	2.000	2.000		2.000
13	TCBL2427013	1.000	1.000		1.000
14	TCBL2426014	2.700	2.700		2.700
15	TCBL2427015	240	240		240
16	TCBL2427016	3.700	3.700		3.700
17	TCBL2429017	450	450		450
Tổng (I)		35.090	35.090	104,28	35.090
II	Trái phiếu phát hành ra công chúng				
1					
Tổng (II)		0	0	0	0
III	Trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế				
Tổng (III)		0	0	0	0
Tổng (I) + (II) + (III)		35.090	35.090	104,28	35.090

Nguồn: Báo cáo công bố thông tin tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu Techcombank kỳ 31/12/2024 và cập nhật tình hình thực tế.

2.4.2. Tình hình sử dụng vốn trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ:

Tiền thu được từ phát hành trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành sử dụng đúng mục đích đã công bố trong các bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu trước mỗi đợt phát hành. Cụ thể:

STT	Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng vốn	Kế hoạch sử dụng ban đầu (tỷ VNĐ)	Thực tế sử dụng từ ngày phát hành (tỷ VNĐ)	Chênh lệch
1	TCBL2326010	Techcombank sử dụng số tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu để cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp.	2.000	2.000	-
2	TCBL2427002		1.500	1.500	-
3	TCBL2427003		1.500	1.500	-
4	TCBL2427004		3.000	3.000	-
5	TCBL2427005		5.000	5.000	-
6	TCBL2427006		2.000	2.000	-
7	TCBL2427007		2.000	2.000	-
8	TCBL2427008		2.000	2.000	-

STT	Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng vốn	Kế hoạch sử dụng ban đầu (tỷ VND)	Thực tế sử dụng từ ngày phát hành (tỷ VND)	Chênh lệch
9	TCBL2427009		2.000	2.000	-
10	TCBL2427010		2.000	2.000	-
11	TCBL2427011		2.000	2.000	-
12	TCBL2427012		2.000	2.000	-
13	TCBL2427013		1.000	1.000	-
14	TCBL2426014		2.700	2.700	-
15	TCBL2427015		240	240	-
16	TCBL2427016		3.700	3.700	-
17	TCBL2429017	TCB sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu để cho vay khách hàng doanh nghiệp có thực hiện các dự án đem lại lợi ích cho môi trường.	450	450	-
Tổng			35.090	35.090	-

Nguồn: Báo cáo kiểm toán báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu kỳ 31/12/2024 của Techcombank và cập nhật tình hình sử dụng vốn thực tế

2.4.3. Kế hoạch thanh toán lãi, gốc trái phiếu còn dư nợ:

Techcombank dự kiến sử dụng phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư, nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành (sau khi trừ đi các chi phí) để thanh toán lãi và gốc các trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ cho các nhà đầu tư.

2.4.4. Các vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cơ quan Nhà Nước hoặc cấp có thẩm quyền trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu: Không có.

2.5. Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của Techcombank, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành

Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu từ các khoản thu nợ gốc, nợ lãi từ hoạt động tín dụng; thu nhập khác của ngân hàng và huy động vốn hợp pháp từ nền kinh tế, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp cũng như thanh toán lãi và gốc các Trái Phiếu dự kiến phát hành.

2.6. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm 2024 của Techcombank

- Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty kiểm toán: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ý kiến kiểm toán: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

- Báo cáo tài chính riêng lẻ

Công ty kiểm toán: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ý kiến kiểm toán: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng”.

2.7. Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành

Cổ xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

☒ Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

Không có xếp hạng tín nhiệm.

- Theo Công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật cho Techcombank, được ban hành bởi Công ty Cổ phần FiiRatings (“FiiRatings”) ngày 24/12/2024, **Mức điểm Xếp hạng Tín nhiệm dài hạn Nhà phát hành của Techcombank** được duy trì ở mức “AA-”, với triển vọng xếp hạng được duy trì ở mức “Ổn định”.

- FiiRatings là một trong các tổ chức xếp hạng tín nhiệm tại Việt Nam có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102674865 sửa đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2023. Trước đó, FiiRatings đã được Bộ tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số 02/GCN-DVXHTN ngày 20/03/2020.

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Mục đích phát hành

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu để cho vay khách hàng.

2. Các tài liệu pháp lý về mục đích phát hành Trái Phiếu như sau:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/03/2018 (cấp đổi từ Giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP ngày 06/08/1993) (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm); và

- Phương Án Phát Hành đã được Hội Đồng Quản Trị Techcombank phê duyệt.

3. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ việc chào bán Trái Phiếu

- Số tiền thu được từ việc chào bán và phát hành Trái Phiếu sẽ được Techcombank sử dụng cho vay khách hàng, cụ thể các lĩnh vực cho vay dự kiến như sau:

- Công nghiệp chế biến, chế tạo
- Xây dựng
- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa mô tô, ô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- Nghệ thuật, vui chơi và giải trí
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ
- Lĩnh vực khác

Thời điểm giải ngân: trước 31 tháng 12 năm 2025

- Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhân rồi trong trường hợp giải ngân theo tiến độ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu: **Không áp dụng.**

III. THUYẾT MINH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh Nghiệp;
- Luật Chứng Khoán;
- Luật Các TCTD 2024;
- Nghị Định 153;
- Nghị Định 65;
- Nghị Định 08;
- Thông Tư 01;
- Thông Tư 76;
- Thông Tư 22/2019;
- Thông Tư 22/2023;
- Thông Tư 41;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; và
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

2. Thuyết minh việc đáp ứng điều kiện chào bán trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành

Techcombank đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán riêng lẻ trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành tại thị trường trong nước theo quy định tại Nghị Định 153, Nghị Định 08, Nghị Định 65 và đáp ứng quy định của Khoản 2 Điều 31 Luật Chứng Khoán 2019 về điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng và các điều kiện khác theo quy định tại Luật Các TCTD 2024, như sau:

STT	Điều kiện chào bán	Đánh giá đáp ứng điều kiện của Techcombank	Tài liệu chứng minh
1	Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.	Đáp ứng Techcombank là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam	Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993, được đăng ký thay đổi lần thứ 57 ngày 03/01/2024. Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng Ngân hàng Thương mại số 38/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/03/2018 (cấp đổi lại cho Giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP ngày 06/08/1993) (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm).
2	Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu.	Đáp ứng Techcombank đã thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn (i) các khoản gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành và đã đáo hạn; (ii) lãi đến hạn của các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán tiền gốc trái	Techcombank có văn bản cam kết về việc đáp ứng điều kiện này.

STT	Điều kiện chào bán	Đánh giá đáp ứng điều kiện của Techcombank	Tài liệu chứng minh
		phiếu; và (iii) các khoản nợ khác đã đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu.	
3	Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	Đáp ứng Techcombank đáp ứng đủ điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật.	Văn bản cam kết của Techcombank về việc đáp ứng điều kiện này.
4	Có phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận.	Đáp ứng Cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án phát hành Trái Phiếu là Hội đồng Quản trị của Techcombank. Khi Phương án phát hành Trái Phiếu này được Hội đồng Quản trị của Techcombank phê duyệt và chấp thuận được hiểu là Techcombank đã đáp ứng điều kiện này.	Điều lệ Techcombank và Nghị quyết Hội đồng quản trị phê duyệt Phương Án Phát Hành
5	Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định.	Đáp ứng Báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Techcombank được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và nêu ý kiến chấp nhận toàn phần.	Báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Techcombank được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là một tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập (căn cứ theo Quyết định số 1260/QĐ-UBCK ngày 19/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).
6	Đối tượng chào bán Trái Phiếu theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 Nghị Định 153 và được sửa đổi bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 Nghị Định 65 và đáp ứng quy định tại Điểm	Tuân thủ Đối tượng mua Trái Phiếu chào bán sơ cấp chỉ bao gồm các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức.	Phương Án Phát Hành quy định rõ đối tượng mua sơ cấp là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức. Techcombank ủy quyền cho Đại Lý Lưu Ký thực hiện xác định tư cách nhà đầu tư chứng

STT	Điều kiện chào bán	Đánh giá đáp ứng điều kiện của Techcombank	Tài liệu chứng minh
	b, c Khoản 2 điều 31 Luật Chứng Khoán 2019.	Việc chuyển nhượng thứ cấp Trái Phiếu chỉ thực hiện giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định của Phương Án Phát Hành này. Trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.	khoản chuyên nghiệp đối với các nhà đầu tư mua Trái Phiếu.
7	Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 của Luật Chứng Khoán 2019.	Tuân thủ - Đối với điểm b, c, d, đ, e Khoản 2, Điều 31, Luật Chứng Khoán: Như đã trình bày ở điểm 2, 3, 5, 6 của Mục 2 này. - Đối với điểm a, Khoản 2, Điều 31, Luật Chứng Khoán 2019. Khi Hội đồng quản trị của Techcombank thông qua phương án phát hành Trái Phiếu này (đã bao gồm các nội dung về sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, đối tượng, số lượng nhà đầu tư) được hiểu là Techcombank đáp ứng điều kiện này.	Các tài liệu đã trình bày ở điểm 2, 3, 4, 5, 6 của Mục 2 này Phương Án Phát Hành này.
8	Tổ chức tín dụng phát hành trái phiếu phải tuân thủ khoản 1 Điều 138 Luật Các TCTD 2024	Đáp ứng Techcombank đáp ứng đủ điều kiện về các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo khoản 1 Điều 138 Luật Các TCTD 2024.	Các tài liệu đã trình bày tại điểm 2.2 Mục 2 Phần I của Phương án phát hành này.

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN CỦA TRÁI PHIẾU DỰ KIẾN CHÀO BÁN

1. Loại hình Trái Phiếu:

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm.

2. Tổng khối lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán:

Tối đa 3.200 (Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm) Trái Phiếu tương đương với 3.200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm tỷ đồng).

3. Kỳ hạn: 36 (ba mươi sáu) tháng.

4. Ngày Phát Hành: trước 30/04/2025

Ngày phát hành cụ thể do Tổng Giám Đốc/Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền hợp lệ quyết định.

được xác định thực tế trong báo cáo kết quả phát hành Trái Phiếu.

5. **Ngày Đáo Hạn:** là ngày tròn 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành.

6. **Mệnh giá Trái Phiếu:** 01 (một) tỷ đồng Việt Nam/01 (một) Trái Phiếu.

7. **Tính chất Trái Phiếu:**

Trái phiếu là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, có lãi suất cố định và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành.

8. **Hình thức Trái Phiếu:** Bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử.

Việc cấp trích lục sổ đăng ký người sở hữu Trái Phiếu và/hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định tại văn kiện Trái Phiếu, quy định của VSDC và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ.

9. **Hình thức chào bán Trái Phiếu:**

Chào bán riêng lẻ theo quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh nghiệp, Nghị Định 153, Nghị Định 65 và Nghị Định 08.

10. **Loại tiền tệ phát hành và thanh toán:** Đồng Việt Nam (VND).

11. **Giá chào bán:** 100% mệnh giá Trái Phiếu.

12. **Địa điểm tổ chức đợt chào bán:** Trụ sở chính của Techcombank.

13. **Thời gian phân phối:**

Tối đa 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán của Trái Phiếu.

14. **Số lượng đợt chào bán:** 01 (Một) đợt.

15. **Đối tượng chào bán Trái Phiếu:**

Tiêu chí nhà đầu tư:

- ☒ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức ☐ Nhà đầu tư chiến lược là tổ chức
☐ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân ☐ Nhà đầu tư chiến lược là cá nhân

16. **Số lượng nhà đầu tư:** Không hạn chế theo quy định của pháp luật.

17. **Lãi suất danh nghĩa dự kiến của Trái Phiếu:**

Lãi suất cố định: tối đa không quá 6% (Bằng chữ: Sáu phần trăm)/năm.

Lãi suất của Trái Phiếu cụ thể do Tổng Giám Đốc/Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền hợp lệ quyết định, phù hợp với lãi suất thị trường và quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát hành Trái Phiếu.

18. **Phương thức thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu:**

- Thanh toán gốc: gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần khi đáo hạn (trừ trường hợp Trái Phiếu bị mua lại trước hạn phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu).

- Thanh toán lãi: Lãi Trái Phiếu được thanh toán vào các Ngày Thanh Toán Lãi.

Trong đó,

“Ngày Thanh Toán Lãi” là (i) ngày cuối cùng của mỗi Kỳ Tính Lãi; hoặc (ii) Ngày Đáo Hạn; hoặc (iii) ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

“Kỳ Tính Lãi” có nghĩa là mỗi thời hạn kéo dài 12 (mười hai) tháng liên tục bắt đầu từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn. Trong trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu thì Kỳ Tính Lãi cuối cùng đối với các

Trái Phiếu được mua lại sẽ được tính từ (và bao gồm) ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn có liên quan.

19. Địa điểm thanh toán tiền lãi và gốc Trái Phiếu:

Việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu thực hiện tại Trụ sở chính của Techcombank và/hoặc bên thứ ba phù hợp với quy định pháp luật và quy định cụ thể tại các hồ sơ chào bán Trái Phiếu.

20. Mua lại Trái Phiếu trước hạn:

Techcombank thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn trong các trường hợp sau:

(a) Mua lại trước hạn theo thỏa thuận của Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, (i) Techcombank có quyền mua lại trước hạn Trái Phiếu với điều kiện Techcombank phải gửi thông báo mua lại Trái Phiếu cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, VSDC và các tổ chức khác có liên quan (nếu có) ít nhất 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc (hoặc một khoảng thời gian khác theo quy định pháp luật có liên quan) trước ngày mua lại trước hạn, khi đó Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành theo tỷ lệ sở hữu; hoặc (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu Techcombank mua lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu thuộc quyền sở hữu của mình với điều kiện phải gửi yêu cầu mua lại cho Techcombank ít nhất 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc (hoặc một khoảng thời gian khác theo quy định pháp luật có liên quan) trước ngày yêu cầu mua lại, khi đó Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ mua lại toàn bộ số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu mua lại khi Tổ Chức Phát Hành nhận được yêu cầu.

Phương án mua lại Trái Phiếu trước hạn áp dụng cho trường hợp trên được thực hiện như sau:

- Mục đích mua lại: Techcombank mua lại trước hạn Trái Phiếu nhằm cơ cấu lại nguồn vốn, đảm bảo hiệu quả kinh doanh hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện quyền bán lại trước hạn Trái Phiếu.
- Tổng mệnh giá Trái Phiếu dự kiến mua lại: tối đa 3.200 (Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm) tỷ VND.
- Nguồn vốn mua lại Trái Phiếu: Techcombank sử dụng nguồn từ các khoản thu nợ gốc, nợ lãi từ hoạt động tín dụng; thu nhập khác của ngân hàng và huy động vốn hợp pháp khác từ nền kinh tế để mua lại Trái Phiếu.
- Thời điểm mua lại: Việc mua lại chỉ được thực hiện vào ngày thanh toán lãi đầu tiên và ngày thanh toán lãi thứ hai kể từ ngày phát hành (hoặc ngày làm việc ngay sau đó nếu ngày đó không phải ngày làm việc)
- Giá mua lại: bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng (+) các khoản lãi Trái Phiếu chưa thanh toán đến ngày mua lại trước hạn cộng (+) các khoản tiền khác phát sinh (nếu có).

Chi tiết việc mua lại trước hạn Trái Phiếu (bao gồm khối lượng Trái Phiếu mua lại, thời điểm mua lại, phương thức tổ chức mua lại, giá mua lại và điều khoản điều kiện chi tiết của việc mua lại trước hạn khác (nếu có)) sẽ do Tổng Giám Đốc/Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền quyết định phù hợp với tình hình thực tế phát sinh và phù hợp với Quy chế ĐKLK VSDC, Quy chế ĐKGD và các quy định của pháp luật trong phạm vi phương án mua lại Trái Phiếu trước hạn được phê duyệt tại Mục 20 (a) này.

(b) Mua lại bắt buộc theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu:

- (i) Techcombank sẽ mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu khi:
 - (A) Techcombank vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch Trái Phiếu theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận; hoặc

- (B) Techcombank vi phạm Phương Án Phát Hành Trái Phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận; hoặc
- (C) Xảy ra các sự kiện vi phạm khác theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu tương ứng hoặc theo quy định của pháp luật liên quan.
- (ii) Thời điểm mua lại: Trong thời hạn 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc (hoặc một khoảng thời gian khác theo quy định pháp luật có liên quan) kể từ ngày Techcombank hoặc Đại Lý Lưu Ký nhận được Yêu Cầu Mua Lại Bắt Buộc từ Người Sở Hữu Trái Phiếu do đã xảy ra một trong các sự kiện vi phạm được quy định tại Mục 20 (b) (i) nêu trên.
- (iii) Giá mua lại: Techcombank có nghĩa vụ mua lại bắt buộc toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá Trái Phiếu và lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên Trái Phiếu đó theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu (nếu có) tính đến (nhưng không bao gồm) ngày thanh toán phù hợp với Quy chế ĐKLK VSDC, Quy chế ĐKGD và các quy định của pháp luật.
- (c) **Các trường hợp mua lại Trái Phiếu khác**
- Ngoài các quy định từ Mục 20 (a) đến Mục 20 (b) trên đây, Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại Trái Phiếu trong các trường hợp mua lại thực hiện theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu phù hợp với Quy chế ĐKLK VSDC, Quy chế ĐKGD và các quy định của Pháp luật.
21. **Phương thức phát hành:** Bán trực tiếp cho nhà đầu tư.
22. **Luật điều chỉnh:** pháp luật Việt Nam.
23. **Các điều kiện và điều khoản khác của Trái Phiếu:** sẽ được quy định cụ thể trong Các Điều Khoản Trái Phiếu, Bản công bố thông tin và các hợp đồng, thỏa thuận được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu theo Phương Án Phát Hành này do Tổng Giám Đốc/Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền hợp lệ thỏa thuận quyết định các điều kiện khác tại thời điểm phát hành, phù hợp với quy định pháp luật.
- V. **CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**
1. **Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán Trái Phiếu:** Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
2. **Đại lý lưu ký Trái Phiếu:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương
3. **Tổ chức xếp hạng tín nhiệm:** Công ty Cổ phần FinRatings
- VI. **KẾ HOẠCH BỐ TRÍ NGUỒN CHO VIỆC THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU**
- Techcombank dự kiến sử dụng các khoản thu nợ gốc, nợ lãi từ hoạt động tín dụng; thu nhập khác của ngân hàng và huy động vốn hợp pháp từ nền kinh tế sẽ được sử dụng để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu cho Người Sở hữu Trái Phiếu. Theo kế hoạch kinh doanh của Techcombank, các khoản thu nói trên, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu tại các ngày thanh toán lãi và tại thời điểm Trái Phiếu đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.
- VII. **CAM KẾT CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**
- Techcombank cam kết thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định tại Nghị định 153, Nghị định 65, Nghị định 08, Thông tư 76 và quy định pháp luật có liên quan.
- VIII. **CÁC CAM KẾT KHÁC ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ**
- Techcombank cam kết thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đúng hạn. Các cam kết chi tiết khác sẽ được thể hiện trong các tài liệu giao dịch của Trái Phiếu khi phát hành.

IX. ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ TẬP TRUNG TRÁI PHIẾU

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu, Trái Phiếu sẽ được đăng ký tại VSDC. Trái phiếu được lưu ký tập trung tại VSDC theo yêu cầu của người sở hữu Trái phiếu thông qua thành viên lưu ký trước khi giao dịch, chuyển quyền sở hữu trừ trường hợp khác theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

X. GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU

Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký trái phiếu của VSDC, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện đăng ký giao dịch Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch Chứng khoán. Giao dịch Trái Phiếu được thực hiện thông qua thành viên giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch Chứng khoán và chỉ được giao dịch giữa các đối tượng nhà đầu tư nêu tại Phương Án Phát Hành (nhà đầu tư chuyên nghiệp là tổ chức) trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

XI. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ MUA TRÁI PHIẾU

1. Nhà đầu tư mua Trái Phiếu có các quyền lợi sau:

- (i) Nhà đầu tư mua Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo các văn kiện Trái Phiếu có liên quan;
- (ii) Nhà đầu tư mua Trái Phiếu được quyền tiếp cận hồ sơ chào bán Trái Phiếu khi có yêu cầu;
- (iii) Nhà đầu tư mua Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị Định 153, Nghị Định 65 và Nghị Định 08;
- (iv) Được quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn bắt buộc Trái Phiếu khi:
 - Tổ Chức Phát Hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch Trái Phiếu theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;
 - Tổ Chức Phát Hành vi phạm Phương Án Phát Hành mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;
 - Các trường hợp khác được nêu cụ thể tại các văn kiện Trái Phiếu có liên quan.
- (v) Được yêu cầu người bán Trái Phiếu cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Nghị Định 65 khi mua Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.
- (vi) Được biểu quyết chấp thuận các vấn đề phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua: tỷ lệ biểu quyết quy định cụ thể tại các văn kiện Trái Phiếu nhưng không thấp hơn tỷ lệ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành.
- (vii) Các quyền khác theo quy định tại các văn kiện Trái Phiếu và theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư mua Trái Phiếu có các trách nhiệm sau:

- (i) Tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản Trái Phiếu và các cam kết khác của Tổ Chức Phát Hành trước khi quyết định mua và giao dịch Trái Phiếu;
- (ii) Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư, giao dịch Trái Phiếu; hiểu rõ và đảm bảo tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư, giao dịch Trái Phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định

tại Nghị Định 153, Nghị Định 65, Nghị Định 08 và quy định của pháp luật liên quan;

- (iii) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch Trái Phiếu;
- (iv) Trước khi mua Trái Phiếu (cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp), nhà đầu tư phải ký văn bản xác nhận theo mẫu quy định tại Nghị Định 65 đã thực hiện các quy định tại điểm (i), (ii) và (iii) trên đây và tự chịu trách nhiệm đối với quyết định mua Trái Phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận này;
- (v) Thực hiện giao dịch Trái Phiếu theo quy định về giao dịch trái phiếu tương ứng; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư Trái Phiếu với nhà đầu tư không phải là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dưới mọi hình thức. Việc huy động vốn và mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- (vi) Khi bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Nghị Định 153, Nghị Định 65, Nghị Định 08 cho nhà đầu tư mua Trái Phiếu;
- (vii) Nhà đầu tư mua Trái Phiếu có trách nhiệm theo các quy định của pháp luật hiện hành và các văn kiện Trái Phiếu có liên quan;
- (viii) Trường hợp nhà đầu tư vi phạm quy định của pháp luật sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc xử lý hình sự tùy theo tính chất và mức độ vi phạm.

3. Việc thông qua các vấn đề của những người sở hữu Trái Phiếu:

Người sở hữu Trái Phiếu thông qua các quyết định/nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu bằng hình thức biểu quyết tại hội nghị người sở hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách lấy ý kiến thông qua các hình thức khác.

Quyết định/nghị quyết của người sở hữu Trái Phiếu về bất kỳ các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu cần phải được người sở hữu Trái Phiếu chấp thuận được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số người sở hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua quyết định/nghị quyết đó (dù tại hội nghị người sở hữu Trái Phiếu hay được biểu quyết bằng cách lấy ý kiến người sở hữu Trái Phiếu).

Quyết định/nghị quyết được số người sở hữu Trái Phiếu sở hữu 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó chấp thuận (dù tại hội nghị hay bằng cách lấy ý kiến người sở hữu Trái Phiếu) là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập hoặc lấy ý kiến không đáp ứng quy định tại các văn kiện Trái Phiếu có liên quan.

Chi tiết về quyết định của người sở hữu Trái Phiếu được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

XII. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tuân thủ quy định của Nghị Định 153, Nghị Định 65 và Nghị Định 08 về việc chào bán trái phiếu, các điều kiện chào bán trái phiếu;
- Quản lý, sử dụng vốn từ phát hành Trái Phiếu theo đúng mục đích và kế hoạch sử dụng được nêu tại Phương Án Phát Hành này và theo quy định của pháp luật;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc Trái Phiếu khi đến hạn và thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn và các quyền kèm khác theo (nếu có) cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Phương Án Phát Hành này và Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm trước

pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ chào bán Trái Phiếu và các thông tin công bố; thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật;

- Có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến Phương Án Phát Hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của Tổ Chức Phát Hành và của nhà đầu tư;
- Các quyền lợi và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

XIII. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến Trái Phiếu có trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định cụ thể theo các quy định pháp luật hiện hành và các văn kiện Trái Phiếu có liên quan.